

Số: 223/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Phan Thị Hiền.

Thư ký phiên họp: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 340/2025/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 191/2025/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH S; địa chỉ: khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:* Từ tháng 3/2009 đến tháng 01/2013 bà có làm việc tại Công ty TNHH A, địa chỉ: Lô D, KCN V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7409137524.

Nay bà Nguyễn Thị Diễm T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm

của bà bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: bà Nguyễn Thị Thúy H sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị Diễm T giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S khoảng từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011. Cùng thời gian đó, bà Nguyễn Thị Diễm T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A. Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011 tương đương với thời gian bà Nguyễn Thị Thúy H mượn hồ sơ lao động của bà.

Bà nhiều lần liên hệ BHXH thành phố T (nay là BHXH cơ sở L-Thành phố Hồ Chí Minh) nhờ hướng dẫn thì cán bộ yêu cầu bà khởi kiện ra Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thúy H và Công ty TNHH S theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L.

Về hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:
Do nhu cầu cần công việc trang trải phụ giúp kinh tế gia đình, bà chưa đủ 18 tuổi để xin việc làm nên tháng 11/2009 đến tháng 01/2011 bà có mượn chứng minh nhân dân và hồ sơ cá nhân của bà Nguyễn Thị Diễm T1 để xin việc tại Công ty TNHH S, địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), được ký kết hợp đồng lao động, bà H không còn lưu giữ hợp đồng lao động. Sau khi ký kết hợp đồng lao động bà H được công ty TNHH S đóng bảo hiểm xã hội số số bảo hiểm xã hội là 7409312653 mang tên Nguyễn Thị Diễm T. Bà H chỉ làm tại công ty TNHH S trong thời gian 01 năm 03 tháng từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011, sau đó nghỉ việc.

Nay bà thống nhất với nội dung trong yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành Phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết “Tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Diễm T1 và Công ty TNHH S vô hiệu”.

- Công ty TNHH S, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở L trình bày:

Qua kiểm tra dữ liệu lưu trữ hiện có trên hệ thống của ngành BHXH, đối với thông tin họ tên bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân: 331599892, số căn cước công dân 086190006992 có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), ở các mã số BHXH như sau:

Mã số BHXH: 7409312653 tham gia từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011 tại Công ty TNHH S, chưa nhận BHXH một lần, chưa nhận trợ cấp BHXH.

Mã số BHXH: 7410168129 tham gia từ tháng 04/2010 đến tháng 6/2010 tại Công ty TNHH P, chưa nhận BHXH một lần, chưa nhận trợ cấp BHXH.

Mã số BHXH: **7409137524** tham gia từ tháng 3/2009 đến tháng 01/2013 tại Công ty TNHH A, có dữ liệu nhận BHXH một lần theo quyết định số 041402871 ngày 12/3/2014.

Mã số BHXH: 7474064270 đã gộp với mã bảo hiểm số 7414064270 tham gia từ tháng 01/2014 đến tháng 04/2024, đã được bảo hiểm xã hội huyện T gộp sổ và cấp tờ rời xác nhận ngày 13/5/2025. Thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 01/2015 có dữ liệu nhận BHXH một lần. Từ tháng 01/2024 đến tháng 04/2024 nhận trợ cấp BHTN. Từ tháng 05/2016 đến tháng 04/2024 chưa có dữ liệu nhận BHXH 01 lần.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Thúy H, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của các đương sự xác định: từ tháng 3/2009 đến tháng 01/2013, người lao động tên Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1990, được Công ty TNHH A tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409137524. Ngoài ra, bà T còn có quan hệ lao động với Công ty TNHH S. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH S và bà Nguyễn Thị Diễm T phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 11/2009 đến tháng 01/2011. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị Thúy H thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và thực tế làm việc tại Công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011 theo hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị Thúy H chứ không phải bà Nguyễn Thị Diễm T do bà H mượn thông tin, giấy tờ của bà T để đi làm. Đối với bà T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH A. Mục

đích mượn giấy tờ là để bà H có việc làm do thời gian này bà H chưa đủ tuổi để ứng tuyển lao động. Trình bày của bà T và bà H phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011 bà Nguyễn Thị Diễm T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S và **Công ty TNHH A**. Xét thấy, việc bà H lấy tên bà T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011 giữa bà Nguyễn Thị Diễm T và Công ty TNHH S là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở L đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Diễm T bị trùng từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S với bà T (do bà H sử dụng thông tin của bà T để ký) từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011 có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH S trong giai đoạn từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2011 là bà Nguyễn Thị Thúy H, không phải là bà Nguyễn Thị Diễm T. Bà T và bà H có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409132653.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 của Bộ luật lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị

Diễm T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1990; thường trú: địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long (do bà Nguyễn Thị Thúy H ký kết) với Công ty TNHH S là vô hiệu.

Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số **7409312653** không phải là bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân: 331599892, số căn cước công dân: 086190006992. Bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Thị Thúy H được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số **7409312653**.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0020699 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - TP Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phan Thị Hiền